

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117/2025/KDTM-PT**

Ngày: 09/5/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Như Mai

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Bà Ngô Thị Phúc Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10/4/2025 và 09/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2025/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2025 về: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 164/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 761/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 2 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3525/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV L;

Tổ chức đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP V; (Nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số V)

Địa chỉ chi nhánh: 231 – 241 đường C, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Hợp đồng ủy quyền số 5543/2015/MBN.CÔNG TY L2 ngày 30/6/2015);

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số V: Ông Dương Chí T; Địa chỉ: 231 - 241 C, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền ngày 27/3/2025)

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Q;

Địa chỉ: Lô IV.3 đường số 5, KCN B, phường K, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Trần Thành N

- Ông Hồ Văn N

Cùng địa chỉ: 100 Đường số 10, khu dân cư C, Phường G, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số 05/UQ-HL ngày 20/3/2025)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1962

2. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: 05/12 đường n, Phường D, quận B, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31/03/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Dương Chí T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ theo hợp đồng tín dụng số H.0387/1NT ngày 19/12/2008, Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh B (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty Cổ phần Q (Sau đây gọi tắt là Công ty Q) đã ký kết hợp đồng vay vốn số H.2347/1 ngày 17/05/2011 đính kèm giấy nhận nợ ngày 17/5/2011, chi tiết như sau: Số tiền vay (vốn gốc): 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).

- Thời hạn vay: 12 tháng, từ 17/05/2011 đến 17/05/2012

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

- Lãi suất trong hạn: Từ 17/05/2011 đến 06/08/2011: 20,8%/năm; Từ 06/08/2011 đến 17/05/2012: 20,0%/năm.

+ Lãi suất quá hạn: Từ 17/05/2012: 30%/năm

Hình thức bảo đảm nợ vay: Thế chấp bất động sản.

Để đảm bảo cho hợp đồng vay trên, Ông Nguyễn Xuân T và Bà Đỗ Thị L đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là Quyền sử dụng đất diện tích 627 m² tại thửa đất số 520, 521, tờ bản đồ số 05, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 614832 (số vào sổ cấp GCN QSDĐ H02305) do UBND huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/12/2007. Tài sản trên đã được công chứng thế chấp số 25641 ngày 19/12/2008 tại Phòng công chứng số 6 Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng

thế chấp số 1314/HĐTC ngày 19/12/2008, hợp đồng tín dụng H.0387/1NT ngày 19/12/2008, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/12/2008.

Ngày 30/06/2015, khoản nợ theo hợp đồng vay vốn H.2347/1 ngày 17/05/2011 đã được Ngân hàng bán nợ cho Công ty L (Sau đây gọi tắt là công ty L) theo hợp đồng mua bán nợ số 5542/2015/MBN.CÔNG TY L2-Ngân hàng V; Ngân hàng được công ty L ủy quyền để xử lý khoản vay theo hợp đồng ủy quyền số 5543/2015/MBN.VAMC-Ngân hàng V.

Ngày 27/01/2016, căn cứ theo hợp đồng vay vốn đã ký kết và số dư tài khoản hiện có, Ngân hàng đã trích tài khoản của Công ty Q để thu nợ vốn gốc 3.365.734 đồng cho công ty L.

Trong suốt quá trình vay, Công ty Q chỉ thanh toán được cho hợp đồng H.2347/1 ngày 17/05/2011 số tiền 471.365.734 đồng, trong đó: Thanh toán vốn gốc: 3.365.734 đồng; Thanh toán lãi trong hạn: 468.000.000 đồng (thanh toán lãi đến hết 05/08/2011).

Do Công ty Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên từ ngày 30/07/2012 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngày 27/01/2022, Ngân hàng đã làm việc với khách hàng, xác nhận công nợ và phương hướng xử lý khoản nợ quá hạn, tuy nhiên Công ty Q chưa thanh toán thêm được bất kỳ khoản nợ nào cho Ngân hàng.

Tạm tính đến 30/9/2024, Công ty Q còn nợ công ty L các khoản sau:

Nợ gốc: 9.996.634.266 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.598.444.444 đồng; Nợ lãi quá hạn: 37.649.444.991 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi: 49.244.523.701 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu:

- Buộc Công ty Q trả ngay cho công ty L tổng số tiền còn thiếu (nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn) tạm tính đến 30/9/2024 là 49.244.523.701 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngày sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/10/2024 Công ty Q phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến ngày Công ty Q thực trả hết nợ gốc cho nguyên đơn theo lãi suất quy định tại các hợp đồng vay vốn đã ký kết.

- Nếu Công ty Q không thanh toán số nợ còn thiếu cho công ty L thì công ty L được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho công ty L, chi tiết như sau: Quyền sử dụng đất 627 m² tại thửa đất số 520, 521, tờ bản đồ số 05, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 614832 (sổ vào sổ

cấp GCN QSDĐ H02305) do UBND huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/12/2007 thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Xuân T và bà Đỗ Thị L.

Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Q tại công ty L thì Công ty Q tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho công ty L.

Công ty Q và các bên có quyền và nghĩa vụ liên quan phải chịu mọi chi phí tố tụng phát sinh.

- Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án – ông Lê Quốc K là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty Q trình bày:

Công ty Q trong quá trình hoạt động kinh doanh có ký hợp đồng vay vốn số H.2347/1 ngày 17/05/2011 với Ngân hàng để vay số tiền vay 10.000.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay thì ông Nguyễn Xuân T và bà Đỗ Thị L đã đứng ra thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa 520, 521, TĐĐ số 5, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh theo GCN QSDĐ số AK 614832 (vào sổ số H02305) do UBND huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/12/2007 thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Xuân T – bà Đỗ Thị L bảo lãnh vay. Tài sản được thế chấp theo hợp đồng số 1314/HĐTC ngày 19/12/2008.

Do việc kinh doanh không thuận lợi, thua lỗ nên Công ty Q không có khả năng trả nợ. Hiện nay khoản nợ trên Ngân hàng đã bán nợ cho Công ty công ty L.

Nay đối với số dư nợ gốc hiện tại là 9.996.634.266 đồng thì kính đề nghị nguyên đơn phối hợp với chủ tài sản là ông T - bà L bán tài sản thu nợ cho Công ty Q. Công ty Q xin được miễn lãi trong hạn và quá hạn do thời điểm vay lãi suất quá cao (lãi trong hạn là 20%/năm và lãi phạt là 30%/năm) và hiện tại Công ty Q đã ngưng hoạt động nên không có khả năng trả khoản tiền này. Rất mong Tòa Án nhân dân quận T và công ty L xem xét.

- Tại bản tự khai của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Vợ chồng ông có bảo lãnh cho bạn là ông Tống Văn D - Tổng Giám đốc Công ty Q cho Công ty Q mượn lô đất để làm ăn kinh doanh. Vì điều kiện do thua lỗ nên Công ty ngưng hoạt động và không trả nợ được cho Ngân hàng. Đồng thời, không trả lại được lô đất đã mượn của vợ chồng ông.

Nay vợ chồng ông xin đề nghị được thanh toán 5.000.000.000 đồng tiền nợ gốc để lấy lại bản gốc Quyền sử dụng đất xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí

Minh vì hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn, tuổi đã già sức yếu. Mong Tòa án và Ngân hàng xem xét giải quyết.

Hiện tại tình trạng lô đất: Nhà nước hạ đường điện ngầm lô đất bị giải tỏa đền bù theo giá nhà nước, chưa biết diện tích là bao nhiêu mét vuông; Lô đất có tranh chấp ở huyện (không giải quyết mua, bán sang tên cho người khác được; Lô đất không có đường đi, không có điện, không có nước sinh hoạt để sinh sống).

Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Xuân T và bà Đỗ Thị L vắng mặt không có lý do.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 164/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân quận T đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV L.

Buộc Công ty Cổ phần Q phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV L số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số H.0387/1NT ngày 19/12/2008; hợp đồng vay vốn số H.2347/1 ngày 17/05/2011 và giấy nhận nợ đính kèm tạm tính đến ngày 30/9/2024 là: 49.244.523.701 (bốn mươi chín tỷ hai trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm hai mươi ba ngàn bảy trăm lẻ một) đồng; trong đó nợ gốc là 9.996.634.266 đồng (chín tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi bốn ngàn hai trăm sáu mươi sáu) đồng; nợ lãi trong hạn là 598.444.444 (năm trăm chín mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn bốn trăm bốn mươi bốn) đồng; Nợ lãi quá hạn là 37.649.444.991 đồng (ba mươi bảy tỷ sáu trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn chín trăm chín mươi một) đồng.

Thời hạn thanh toán: Một lần, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 01/10/2024 Công ty Cổ phần Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số H.0387/1NT ngày 19/12/2008; hợp đồng vay vốn số H.2347/1 ngày 17/05/2011 và giấy nhận nợ đính kèm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Nếu Công ty Cổ phần Q không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ cho Công ty TNHH MTV L thì Công ty TNHH MTV L có quyền yêu

cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất 627 m² tại thửa đất số 520 - 521, tờ bản đồ số 05, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh - theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 614832, sổ vào sổ cấp GCN QSDĐ H02305 do UBND Huyện N, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 11/12/2007 cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Xuân T, bà Đỗ Thị L. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 1314/HĐATC ngày 19/11/2008, tại Phòng Công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/12/2008 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N, Tp. Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty Cổ phần Q thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hoặc tất toán toàn bộ khoản vay thì Công ty TNHH MTV L phải có trách nhiệm giải chấp và trả lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ tài sản.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/10/2024, bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án theo điều chỉnh lãi suất theo thỏa thuận tại Hợp đồng và quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn trình bày: Bị đơn kháng cáo yêu cầu Ngân hàng V điều chỉnh mức lãi suất về mức hợp pháp theo quy định pháp luật tại từng thời điểm. Yêu cầu Ngân hàng V tính toán lại lãi suất trong hạn và quá hạn đã thu vượt quá lãi suất 10% từ khi bắt đầu khoản vay đến thời điểm hiện tại.

Nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: kháng cáo của bị đơn là có căn cứ để chấp nhận, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 30/9/2024, Tòa án nhân dân quận T ban hành Bản án số 164/2024/KDTM-ST. Ngày 11/10/2024, bị đơn có đơn kháng cáo. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của Công ty Cổ phần Q là còn trong thời hạn nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn, Công ty TNHH MTV L – Tổ chức đại diện ủy quyền là Ngân hàng TMCP V (nay là Ngân hàng TNHH MTV Số V) có đơn khởi kiện đối với bị đơn – Công ty Cổ phần Q, địa chỉ tại lô IV3 đường số 5, khu công nghiệp B, phường K, quận T, thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Bị đơn kháng cáo một phần đối với Bản án sơ thẩm, cho rằng Nguyên đơn đã tính lãi quá cao, vi phạm quy định pháp luật nhưng được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, đề nghị điều chỉnh lãi suất, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Nguyên đơn khởi kiện Bị đơn đối với hợp đồng vay vốn số H.2347/1 ngày 17/05/2011 đính kèm giấy nhận nợ ngày 17/5/2011, chi tiết:

- Số tiền vay (vốn gốc): 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).
- Thời hạn vay: 12 tháng, từ 17/05/2011 đến 17/05/2012
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- Lãi suất trong hạn: Từ 17/05/2011 đến 06/08/2011: 20,8%/năm; Từ 06/08/2011 đến 17/05/2012: 20,0%/năm.
- Lãi suất quá hạn: Từ 17/05/2012: 30%/năm

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chỉ xác nhận nợ gốc, không xác nhận nợ lãi cũng như không đồng ý mức lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cho rằng lãi suất các bên thỏa thuận là lãi suất cố định, được áp dụng từ thời điểm vay 2011 đến nay theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng. Cụ thể là 20,8%/năm đối với lãi trong hạn, có điều chỉnh một lần 20%/năm từ ngày 06/8/2011 và lãi quá hạn là 30%/năm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng số H.2347/1 ngày 17/05/2011 các bên thỏa thuận tại khoản 2.3 Điều 2 về lãi suất như sau: *“Lãi suất trong hạn: 20,8%/năm. Lãi suất này là lãi suất có điều chỉnh được quy định tại Điều 8 của Hợp đồng này. Lãi suất quá hạn bằng 1,5 lãi suất trong hạn”*.

Khoản 8.2 Điều 8 về Quyền và nghĩa vụ của Bên A (Ngân hàng) Hợp đồng các bên thỏa thuận: *“Chủ động điều chỉnh lãi suất vay của Hợp đồng này:*

a) *Hàng tháng Bên A điều chỉnh lãi suất cho vay (nếu có) với mức lãi suất điều chỉnh không vượt quá mức lãi suất cho vay tương ứng được quy định tại khung lãi suất do bên A ban hành tại thời điểm điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;*

b) *Việc điều chỉnh lãi suất sẽ được Bên A thông báo cho Bên B và có hiệu lực kể từ ngày thông báo của Bên A được gửi đi theo ngày đóng dấu bưu điện hoặc kể từ ngày thông báo này được chuyển trực tiếp cho Bên B.”*

Như vậy, lãi suất các bên thỏa thuận là lãi suất được điều chỉnh. Thực tế hồ sơ có thể hiện các quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP V (là bên cho vay trong Hợp đồng trên trước khi thực hiện việc bán nợ cho công ty TNHH MTV L). Các Quyết định này từ tháng 11 năm 2010 đến tháng 5 năm 2024 và được cấp sơ thẩm đánh dấu bút lục từ 269 đến 360. Tuy nhiên, hồ sơ không có biên bản thể hiện tài liệu chứng cứ này do ai giao nộp. Đồng thời, tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/8/2024 (là biên bản công khai chứng cứ duy nhất trong hồ sơ vụ án) và biên bản phiên tòa ngày 30/9/2024 cũng không thể hiện tài liệu chứng cứ này. Các chứng cứ này chưa công khai, chưa thực hiện cho các bên đối chất để làm rõ lãi suất được áp dụng đối với khoản vay của công ty Q là bao nhiêu. Mặc dù lời khai của bị đơn và người liên quan đều xác định không đồng ý với số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu do lãi suất nguyên đơn tính là vi phạm quy định pháp luật đồng thời hồ sơ có thể hiện các tài liệu nêu trên nhưng cấp sơ thẩm không công khai chứng cứ, không hòa giải và đối chất về nội dung này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Từ phân tích ở trên, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự, hủy bản án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí:

Án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi xét xử lại tại cấp sơ thẩm.

Do được chấp nhận kháng cáo nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án kinh doanh thương mại số 164/2024/KDTM-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân quận T, trả hồ sơ về Tòa án nhân dân quận T xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Bị đơn công ty Cổ phần Q không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho công ty Cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí kháng cáo là 3.000.000 (ba triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0045104 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Như Mai

